SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 03/01/2024 17:00:37

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1737/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về "Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045";

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 430/TB-VPCP ngày 23 tháng 10 năm 2023 kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp trực tuyến với 12 địa phương về đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch thời kỳ 20221 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị tại Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 10254/BKHĐT-QLQH ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tổng hợp ý kiến rà soát đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị tại văn bản số 618/SKHĐT-TH ngày 22 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phần lãnh thổ đất liền:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm diện tích tự nhiên trên đất liền và đảo Cồn Cỏ của tỉnh Quảng Trị là 4.701,23 km^2, gồm 10 huyện, thị xã, thành phố:

- Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;

- Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Phía Đông giáp Biển Đông;

- Phía Tây giáp tỉnh Savanakhet và Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

Toạ độ địa lý của tỉnh Quảng Trị là từ 16°18’ đến 17°10’ vĩ độ Bắc,

106°32’ đến 107°34’ kinh độ Đông.

2. Phần không gian biển: Được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và các quy hoạch, kế hoạch liên quan. Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số với 3 trụ cột chính (kinh tế số, xã hội số, chính quyền số), phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các ngành kinh tế khác. Phát triển theo hướng xanh và bền vững, phù hợp với đặc điểm tự nhiên và bối cảnh phát triển, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thu hút nguồn lực từ bên ngoài kết hợp với phát huy nội lực cho đầu tư phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực được xác định trọng điểm và đột phá. Phát triển đa dạng, tạo cơ hội thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực, phù hợp với mục tiêu và tầm nhìn đã xác định. Khai thác, phát huy sớm nhất thời cơ, lợi thế trong kỳ quy hoạch.

c) Phát huy vị trí trung tâm liên kết nội vùng khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây và Bắc - Nam; tăng cường liên kết giữa các tiểu vùng trong tỉnh, tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển; tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng và quốc tế.

d) Phát triển hài hòa, toàn diện, tổng thể, bao trùm các lĩnh vực văn hoá, xã hội, gắn với bảo tồn giá trị di sản, văn hóa, lịch sử; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước bạn Lào; chủ động hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Quảng Trị đạt trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước, có cơ cấu kinh tế cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ; là một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của khu vực Đông Nam Á và các hành lang giao thông trong khu vực ASEAN, tiểu vùng sông Mêkông (GMS). Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 8,2%/năm;

+ Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm khoảng 10,5%; phi nông nghiệp chiếm khoảng 84,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 5,0%;

+ GRDP bình quân đầu người người đạt khoảng 140 - 170 triệu đồng/người;

+ Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt cả giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 434 nghìn tỷ đồng;

+ Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI);

+ Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

- Về phát triển đô thị, nông thôn:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42% - 48%;

+ 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về xã hội:

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) 2030 đạt trên 0,75;

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm;

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%;

+ Trên 96% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng khoảng 49,5%, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phục hồi rừng phòng hộ ven biển;

+ 95 - 99% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 98% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;

+ 100% khu, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường;

+ 100% các cơ sở sản xuất được cấp giấy phép môi trường, xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích;

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90 - 100%; nông thôn đạt 80 - 90%; xử lý 100% chất thải rắn nguy hại.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Phát triển đủ 05 loại hình giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển và đường hàng không); xây dựng và nâng cấp các tuyến đường kết nối thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các huyện với đường bộ cao tốc Bắc - Nam và các tuyến giao thông quốc gia;

+ 100% hộ dân trên đất liền được sử dụng điện lưới quốc gia;

+ Hoàn thiện và đưa vào vận hành các nhà máy điện khí và các nguồn năng lượng sạch đã được phê duyệt quy hoạch;

+ Hoàn thành xây dựng nền tảng, các mục tiêu của chính quyền điện tử và thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số - ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm như giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch…

- Phát huy có hiệu quả Hành lang kinh tế quốc tế Đông - Tây; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Phòng, chống hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Trị trở thành tỉnh có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ và là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ; quốc phòng an ninh được bảo đảm, nhân dân có cuộc sống hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển

a) Các khâu đột phá phát triển:

- Tập trung huy động đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh năng động của khu vực Bắc Trung Bộ; thực hiện chuyển đổi số cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, gắn kết với cải cách hành chính và đô thị thông minh, đổi mới quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo, trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển và đổi mới sáng tạo, trong môi trường số an toàn, rộng khắp. Tạo môi trường sinh sống và làm việc hấp dẫn nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm:

- Phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, trụ cột, trong đó xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng sạch của miền Trung; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng kết cấu hạ tầng logistic chất lượng và hiệu quả; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao; phát triển nông nghiệp hàng hóa, áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến và nông nghiệp sinh thái, hữu cơ.

- Bảo vệ môi trường, phục hồi sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp khai thác phát huy các giá trị sinh thái đặc thù.

- Phát triển bao trùm, tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ thành quả phát triển, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo; an sinh xã hội.

III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI; PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Các tiểu vùng phát triển:

- Vùng trung du và đồng bằng cao (từ hai bên quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc): Là vùng trọng điểm phát triển kinh tế và đô thị, các đô thị hiện hữu đóng vai trò hạt nhân; ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng, kết nối, tạo động lực phát triển; phát triển công nghiệp, dịch vụ dọc các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, quốc lộ 1 và các hành lang Đông - Tây.

- Vùng ven biển: Là vùng trọng điểm phát triển các đô thị du lịch, khu du lịch tổng hợp ven biển, kết nối với đảo Cồn Cỏ; hình thành các tổ hợp nuôi trồng, chế biến thủy sản hiện đại, thân thiện môi trường; phát triển các tổ hợp công nghiệp sạch kết hợp với dịch vụ và đô thị, dân cư; duy trì, phục hồi và mở rộng dải rừng phòng hộ ven biển, phục hồi môi trường vùng rừng sinh thái vùng

cát; phát triển Khu kinh tế Đông Nam là khu kinh tế biển tổng hợp, trọng tâm là công nghiệp năng lượng, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế ven biển, logistic; xây dựng sân bay tại Gio Linh và cảng biển tại Mỹ Thủy.

- Vùng trũng (nằm giữa vùng ven biển và vùng đồng bằng cao): Là tiểu vùng phụ trợ, phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao; nâng cấp hạ tầng và chất lượng môi trường sống của các khu dân cư hiện hữu, tăng cường kết nối với vùng trung tâm; phát triển du lịch sinh thái; phục hồi môi trường và chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với nước và biến đổi khí hậu.

- Vùng núi phía Tây: Là tiểu vùng phụ trợ, phục hồi, bảo tồn sinh thái vùng núi, đan xen với phát triển du lịch sinh thái bền vững; phát triển điện gió; phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với thương mại, dịch vụ, logistic, trung tâm hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, trong đó, khu vực cửa khẩu Lao Bảo và La Lay có tính chất chính là du lịch sinh thái, thương mại và logistic; hình thành và phát triển Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đen-sa-vẳn.

b) Các hành lang phát triển: Là các trục lõi động lực, đồng thời kết nối các tiểu vùng kinh tế - xã hội, gồm:

- Hành lang phát triển trung tâm (vùng trung du và đồng bằng cao - từ hai bên quốc lộ 1 đến hai bên đường cao tốc Bắc - Nam): tập trung các hoạt động kinh tế công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đào tạo… và đô thị, gắn với các hành lang hạ tầng kỹ thuật quốc gia theo hướng Bắc - Nam.

- Hành lang phát triển ven biển, trọng tâm là khu công nghiệp khí, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế cảng biển, dịch vụ logistic, đô thị du lịch sinh thái biển và sinh thái vùng cát ven biển gắn với phục hồi hệ sinh thái.

- Hành lang phát triển Đông - Tây dọc theo quốc lộ 9: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Cửa Việt, phát triển logistic, thương mại, dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Hành lang phát triển Đông - Tây dọc theo quốc lộ 15D: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Quốc tế La Lay - Cảng Mỹ Thủy, phát triển logistic, thương mại, dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát huy tiềm năng kinh tế biển gắn với cảng biển quốc tế.

- Hành lang phát triển biên giới - hành lang phụ trợ, gắn với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, kết nối với các hành lang Đông - Tây để phát triển kinh

tế vùng biên giới Việt - Lào, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực vùng núi, tổ chức một số điểm cao ngắm cảnh, chiêm ngưỡng sự hùng vĩ của dãy Trường Sơn từ trên cao, kết hợp với phát triển các điểm dân cư và đô thị gắn với du lịch sinh thái núi, tổ chức trải nghiệm văn hóa cộng đồng, dân tộc.

- Hành lang phát triển phụ trợ dọc theo đường 9D, kết nối các điểm đô thị Hồ Xá - Bến Quan - Hướng Phùng với không gian ven biển cũng như vùng núi phía Tây: khai thác đa dạng sinh thái, văn hoá, lịch sử để phát triển du lịch sinh thái - văn hoá - lịch sử, cộng đồng; phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, đặc biệt là cây công nghiệp, trồng rừng nguyên liệu,…

2. Phương án phân vùng chức năng không gian biển

a) Vùng chú trọng bảo tồn, bảo vệ và phát triển kinh tế (vùng I): Vùng bảo tồn (I.A) tập trung các sinh cảnh, hệ sinh thái quan trọng; vùng bảo vệ và phát triển lâm nghiệp (I.B) là vùng có diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

b) Vùng phát triển kinh tế (vùng II) gồm có: (i) vùng phát triển đô thị du lịch và dịch vụ biển (vùng II.A) có tiềm năng phát triển khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ ven biển; (ii) vùng hoạt động cảng và giao thông, vận tải biển (vùng II.B) có cảng biển, bến tàu và các vùng nước sử dụng cho vận tải biển và các hoạt động thương mại, dịch vụ liên quan; (iii) vùng phát triển công nghiệp (vùng II.C) tổ chức các hoạt động phát triển công nghiệp; (iv) vùng phát triển nông nghiệp (vùng II.D) có tiềm năng phát triển nông nghiệp; (v) vùng phát triển nuôi trồng thủy sản (vùng II.E) có cửa sông, có địa hình thấp, vùng đất bị ảnh hưởng tình trạng xâm nhập mặn và không phù hợp cho phát triển các ngành kinh tế khác; (vi) vùng phát triển đa mục tiêu (II.F) là trung tâm phát triển đô thị đa ngành tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Vùng khai thác thủy sản gồm có: (i) vùng khai thác thủy sản ven bờ (vùng III.A) là vùng nước ven bờ của tỉnh trong phạm vi tuyến bờ, ngoại trừ các vùng nước thuộc phạm vi các vùng hoạt động cảng, du lịch và bảo tồn biển Cồn Cỏ; (ii) vùng khai thác thủy sản xa bờ (vùng III.B) là vùng biển của tỉnh có phạm vi bên ngoài vùng khai thác thủy sản ven bờ và vùng bảo tồn biển Cồn Cỏ.

3. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Công nghiệp - xây dựng:

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, ưu tiên phát triển công nghiệp với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Phân bổ khai thác, sử dụng hợp lý khoáng sản ở mức tăng trưởng ổn định, cân đối và bền vững, bảo vệ môi trường; đầu tư phát triển về công nghệ, kỹ thuật và nguồn nhân lực chất lượng cao để giảm chi phí vận hành, phát sinh

trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản...; nghiên cứu thăm dò, đánh giá tác động môi trường và tiến hành khai thác đất san lấp, phục vụ cho nhu cầu xây dựng và phát triển đô thị, các khu chức năng.

- Công nghiệp chế biến: phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, may mặc, thức ăn gia súc, dược liệu, may mặc, da giày...

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp silicat; chế biến khoáng sản...

- Công nghiệp hỗ trợ: phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ như cơ khí sửa chữa, lắp ráp điện tử...

- Công nghiệp năng lượng: phát triển năng lượng tái tạo, điện sinh khối, điện hydrogen. Tập trung phát triển các nguồn nhiệt điện khí, năng lượng điện gió và công nghiệp khí tại vùng ven biển và đảo Cồn Cỏ; ưu tiên áp dụng công nghệ sản xuất khí hydro xanh và khí amoniac xanh từ các nguồn năng lượng tái tạo, thúc đẩy quá trình chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy điện sử dụng năng lượng hóa thạch trên địa bàn. Triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, mở rộng hồ chứa thủy lợi, kết hợp cải thiện hệ thống thủy lợi và khả năng ứng phó với thiên tai trên các lưu vực sông.

b) Dịch vụ:

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ logistic tại khu vực Cam Lộ, Gio Linh, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, cửa khẩu quốc tế La Lay; hình thành các trung tâm logistics cảng cạn (ICD); phát triển khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo thành khu kinh tế thương mại xuyên biên giới Lao Bảo - Đensavan; phát triển cảng Mỹ Thuỷ trở thành trung tâm trung chuyển hàng hoá của khu vực và thế giới.

- Xây dựng hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh. Xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, cụm thương mại dịch vụ, hệ thống chợ các cấp phục vụ cho nhu cầu trao đổi hàng hoá và phục vụ sinh hoạt của người dân; phát triển hạ tầng thương mại đô thị và nông thôn và xây mới một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản; phát triển nhanh các ngành dịch vụ với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao.

- Chú trọng phát triển nhóm các ngành tài chính - ngân hàng, bất động sản gắn với các trung tâm đô thị, du lịch và các trung tâm sản xuất kinh tế, phục vụ dân sinh... Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, sử dụng rộng rãi trong toàn xã hội.

c) Du lịch:

- Xây dựng và phát triển Quảng Trị trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn đặc trưng riêng về lịch sử - văn hóa ở khu vực miền Trung, đồng thời, là hạt nhân quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Hình thành thương

hiệu du lịch Quảng Trị trên cơ sở khai thác giá trị biểu tượng về sự hồi sinh mạnh mẽ từ đổ nát do chiến tranh tàn phá, ký ức chiến tranh - khát vọng hòa Bình; phát huy lợi thế về biển đảo, sinh thái, văn hóa, tín ngưỡng... và kết nối liên vùng trong hệ thống du lịch di sản miền Trung, cùng các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế.

- Phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo, trọng tâm là phát triển tam giác du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ và dải đô thị du lịch ven biển. Kết nối du lịch tìm hiểu lịch sử - chiến tranh cách mạng của Quảng Trị với du lịch các địa phương trong khu vực; phát triển sản phẩm du lịch gắn với Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng tại khu vực ven biển, ven các hồ và tại vùng núi phía Tây. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, thời đại cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển du lịch thông minh, du lịch số,... Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, cảnh quan, ứng phó biến đổi khí hậu.

d) Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- Cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; phát huy tiềm năng, lợi thế từng tiểu vùng sinh thái, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, công nghệ cao về giống, sinh học, kỹ thuật sản xuất và thu hoạch, bảo quản, chế biến và kết nối thị trường tiêu thụ. Phát triển nông nghiệp hàng hóa áp dụng công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, hữu cơ; sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại, bền vững, lấy chất lượng, giá trị gia tăng thay vì số lượng; áp dụng hệ thống thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và các chứng nhận tương đương, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích sản xuất hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Duy trì diện tích đất trồng lúa nước khoảng 24.500 ha; cây hồ tiêu diện tích khoảng 2.500ha; cây cà phê diện tích khoảng 5.000 ha; cây cao su diện tích 20.000 ha; hình thành vùng trồng cây ăn quả (chuối, cam, bơ, thanh long); mở rộng sản xuất cây dược liệu ở vùng gò đồi, vùng núi khoảng 7.000 ha. Phát triển vùng chăn nuôi bò, lợn tại các xã vùng đồi phía Tây. Duy trì rừng trồng nguyên liệu chất lượng cao, hướng đến trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng khu vực miền Trung; mở rộng diện tích có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) từ 20.000 - 22.000 ha. Tiếp tục phát triển các cơ sở chế biến thuỷ sản hiện đại, đảm bảo môi trường và sản phẩm chất lượng cao; đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng nghề cá tại Cửa Tùng, Cửa Việt.

4. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Phát triển y tế:

Phát triển hợp lý hệ thống y tế thông minh; đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn lực xây dựng, phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao. Duy trì và nâng cao năng lực của trung tâm kiểm soát bệnh tật và các trung tâm thuộc lĩnh vực Pháp y, Giám định y khoa. Xây dựng mới bệnh viện Y học cổ truyền; duy trì và bổ sung các cơ sở y tế ngoài công lập.

b) Phát triển giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng. Giữ vững và nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề theo hướng đảm bảo hợp lý về quy mô, cơ cấu, trình độ..., nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm. Huy động nguồn lực hợp pháp để tham gia đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

c) Phát triển văn hóa, thể thao:

- Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nâng tầm các di sản tiêu biểu, có ý nghĩa lớn và di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, lựa chọn các di tích trọng điểm đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới nhằm nâng tầm giá trị và làm giàu văn hóa Quảng Trị.

- Mở rộng các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích thi đấu thể thao tỉnh, thu hẹp khoảng cách trình độ với các đơn vị mạnh trong toàn quốc.

- Thu hút sự đầu tư của xã hội, doanh nghiệp cho các hoạt động thể thao, trong đó, tập trung vào phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao và đào tạo đội ngũ phục vụ cho việc tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp trong và ngoài nước. Xây dựng cơ chế chính sách cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể thao giải trí; áp dụng mức thuế ưu đãi nhằm khuyến khích huy động các nguồn lực của nhân dân và xã hội hỗ trợ, đầu tư vào lĩnh vực thể thao giải trí và dịch vụ nghỉ dưỡng.

d) Lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề từ cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào công tác đào tạo nghề; đẩy mạnh các hoạt động liên kết giữa các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp; xây dựng chính sách phù hợp hỗ trợ các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các chương trình đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng sản xuất; thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, tạo việc làm thông qua hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và từ

các tổ chức tín dụng; triển khai thực hiện các chính sách thu hút nhân tài từ trong và ngoài nước.

đ) Phát triển khoa học và công nghệ:

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất mới, kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạnh mẽ, đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, có khả năng ứng dụng cao. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo cơ chế thị trường, hướng trọng tâm vào doanh nghiệp. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm chủ thể của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, phát triển hệ thống đô thị khi có đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định gồm có 18 đô thị: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV/III, 03 đô thị loại IV, 04 đô thị loại V/IV, 09 đô thị loại V và 05 đô thị thành lập mới. Đến năm 2050, phát triển hệ thống đô thị gồm có 19 đô thị: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 09 đô thị loại IV, 08 đô thị loại V, gồm 06 đô thị hiện hữu, 02 đô thị phát triển mới.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Xây dựng mô hình phát triển bền vững, trên cơ sở duy trì tối đa sự ổn định của hệ thống khu dân cư sẵn có, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và môi trường sản xuất, đồng thời, phát triển các khu vực dân cư mở rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn.

- Kiểm soát chặt chẽ về vấn đề môi trường.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; triển khai các mô hình bổ sung các khu chức năng phục vụ nâng cao đời sống dân cư và tạo việc làm tại nông thôn.

- Liên kết phát triển nông thôn với các đô thị, triển khai giải pháp xã thông minh để tăng cường liên kết, phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân của địa phương.

- Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Phát triển

các khu vực chế biến và giới thiệu các sản phẩm nông thủy sản được tập kết từ các vùng nguyên liệu xung quanh.

3. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018, Kết luận số 48- KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục II và III kèm theo)

4. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác các giá trị văn hoá, sinh thái gắn với môi trường sống các vùng dân cư. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số. Mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển các khu kinh tế

- Phát triển Khu Kinh tế Đông Nam thành Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, là điển hình của phát triển hài hoà và hiệu quả giữa 3 lĩnh vực kinh tế - môi trường năng lượng, trở thành cực phát triển quan trọng của vùng Trung Bộ, trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất điện năng. Nghiên cứu mở rộng không gian phát triển Khu Kinh tế Đông Nam, gắn kết với các khu vực thuận lợi phát triển dọc hành lang đường bộ cao tốc Bắc - Nam và dọc quốc lộ 15D.

- Xây dựng Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo thành trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch tổng hợp, hướng tới hình thành Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo (Việt Nam) - Đensavẳn (Lào); đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thiết yếu và hạ tầng dịch vụ đồng bộ, hiện đại tại Khu cửa khẩu quốc tế La Lay; tăng cường hợp tác hoạt động giao thương, giao lưu văn hoá với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, cũng như giữa các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

2. Phương án phát triển khu, cụm công nghiệp

Hoàn thiện 9 khu công nghiệp (KCN) với tổng diện tích khoảng 2.500 ha, trong đó có 6 KCN nằm trong khu kinh tế và 28 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.000 ha, trong đó có 3 cụm công nghiệp nằm trong Khu kinh tế. Ngoài các khu, cụm công nghiệp đã được xác định, khi có đủ điều kiện theo quy định bổ sung các khu, cụm công nghiệp trên tuyến cao tốc Bắc - Nam, khu vực vành đai ven biển để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV và V kèm theo)

3. Phương án phát triển khu du lịch

- Khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia: Phát triển khu du lịch biển đảo Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển đảo cao cấp, văn hóa lịch sử của vùng Bắc Trung Bộ; là khu vực tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia. Khuyến khích phát triển dịch vụ du lịch (resort, khách sạn, vui chơi giải trí,...) kết hợp với dịch vụ, dân cư, đô thị du lịch và các chức năng khác.

- Phát triển, hình thành các khu du lịch cấp tỉnh tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch.

- Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất tại các khu dân cư và đô thị du lịch, các khu, điểm du lịch trọng điểm và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch khác.

4. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

- Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Hoàn thành Khu liên hợp thể thao tỉnh Quảng Trị tại thành phố Đông Hà hoặc vùng phụ cận thành phố Đông Hà. Xây dựng nhà thi đấu tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực sân bay Quảng Trị.

- Xây mới các công trình thể thao tại một số huyện, thị xã: Sân vận động, nhà thi đấu và luyện tập thể dục thể thao thị xã Quảng Trị; sân vận động huyện Hải Lăng; khu liên hợp thể thao huyện Đakrông; nhà thi đấu thể dục thể thao thành phố Đông Hà;...

- Xây dựng một số sân golf kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, vui chơi giải trí, khu đô thị dịch vụ, tại các địa điểm thích hợp.

5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Lựa chọn các di tích trọng điểm đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới nhằm nâng tầm giá trị và làm giàu văn hóa Quảng Trị. Đến năm 2030, có ít nhất 01 hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới, có ít nhất thêm 01 di tích quốc gia đặc biệt, 01 di tích quốc gia.

- Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên trùng tu, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh đã được công nhận, di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, song hành với việc phát huy giá trị các di sản đó.

- Huy động nguồn lực đầu tư từ nguồn ngân sách và xã hội hóa để tu bổ, tôn tạo di tích cấp tỉnh.

6. Phương án phát triển các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao (CNC)

- Xây dựng cơ sở, trạm nghiên cứu, thực nghiệm nông nghiệp ứng dụng CNC tại đèo Sa Mù, xã Hướng Phùng; xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tại khu Ngã Năm tập trung tại xã Hải Hưng huyện Hải Lăng.

- Phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng CNC, vùng nông nghiệp tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, vùng chuyên canh quy mô lớn, tại các địa phương có điều kiện phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn tỉnh. Phát triển các vùng trồng cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, rau hoa, cây dược liệu tại các huyện Hướng Hoá, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Cam Lộ, Đakrông; vùng canh tác lúa tại các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh; vùng chăn nuôi tổng hợp, lợn, gia cầm, bò tại các xã vùng gò đồi, trung du các huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và một số xã thuộc các huyện Cam Lộ, Đakrông và Hướng Hóa. Vùng nuôi trồng thuỷ sản tại các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, thành phố Đông Hà.

7. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

- Tập trung xây dựng công trình phòng thủ cho cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang trong phòng chống thiên tai, bão lũ, động đất, sóng thần và bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Xây dựng các công trình quốc phòng của Bộ Quốc phòng, của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các căn cứ hậu phương, Ban Chỉ huy quân sự các huyện, xã. Đầu tư xây dựng các chốt chiến đấu của Tiểu đội Dân quân thường trực trên tuyến biên giới đất liền, Hải đội Dân quân tự vệ biển.

- Đầu tư xây dựng các trụ sở công an tại các huyện Cam Lộ, Triệu Phong; trụ sở phòng cháy chữa cháy huyện Hướng Hóa; doanh trại đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và phòng cháy chữa cháy các huyện: Gio Linh, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng, huyện đảo Cồn Cỏ; cơ sở của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Quảng Trị (tại Cam Lộ) và trụ sở công an các xã, phường, thị trấn.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

Thực hiện theo quy hoạch quốc gia đối với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy, hàng không, cảng biển. Ngoài ra, đề xuất bổ sung quy hoạch cảng biển Vịnh Mốc. Điều chỉnh hướng tuyến và chuyển điểm đầu cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo sang khu vực huyện Triệu Phong (Triệu Phong - Lao Bảo).

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Bổ sung, nâng cấp, cải tạo để kết nối hiệu quả mạng lưới đường bộ của tỉnh với mạng lưới giao thông quốc gia, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các loại bến xe các cấp để nâng cao chất lượng dịch vụ và tỷ lệ người dân sử dụng phương tiện công cộng, dịch vụ vận tải. Bổ sung tuyến vận tải Cửa Tùng - Cồn Cỏ vào danh mục các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo của quốc gia; Quy hoạch nâng cấp tuyến sông Bắc Phước thành tuyến đường thủy nội địa địa phương; phát triển các bến thủy nội địa theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng đến năm 2030 đạt công suất khoảng 500.000 tấn/năm và 50.000 lượt hành khách/năm.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị, khu vực đèo dốc nguy hiểm, vị trí không thể mở rộng..., cũng như bổ sung các hạng mục công trình giao thông. Quy mô các tuyến đường địa phương xác định trong quy hoạch tỉnh là quy mô tối thiểu, trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường. Đối với các tuyến quốc lộ qua đô thị, trường hợp cần thiết sẽ xây dựng hệ thống đường song hành hoặc đường gom, để đảm bảo không làm ảnh hưởng tới năng lực thông hành của các quốc lộ, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng logistics:

- Định hướng phát triển các trung tâm logistic, cảng cạn tại các khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế như: Khu kinh tế Đông Nam, Lao Bảo, La Lay, Cam Lộ, Hải Lăng, Bắc Cửa Việt, Nam Cửa Việt, khu công nghiệp Quán Ngang, Đông Hà, Cảng hàng không Quảng Trị, cảng Vịnh Mốc... Đầu tư hệ thống kho bãi vận tải theo nhu cầu phát triển, trong từng giai đoạn để bổ trợ, phát huy tối đa hiệu quả các trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài 5 loại hình vận tải truyền thống như đề xuất, nghiên cứu phát triển đa dạng hóa các loại hình vận tải, bao gồm các loại hình có ưu thế vận tải tại các khu vực có địa hình phức tạp như vận tải băng chuyền, vận tải đường ống.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Hình thành các trung tâm thương mại liên vùng tại Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo, thành phố Đông Hà, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Liên kết và đầu tư phát triển hạ tầng thương mại vùng kinh tế biển (ở phía Đông) và vùng kinh tế hỗn hợp nông - lâm sản (gò đồi phía Tây), bao gồm những loại hình tổ chức thương mại như sau: Trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm; khu thương mại - dịch vụ tổng hợp; siêu thị và trung tâm bán buôn...

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

4. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy định có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng bưu chính, chuyển đổi số, đảm bảo bán kính phục vụ đạt 2,39 km/điểm phục vụ, số dân/điểm phục vụ đạt 2.790 dân/điểm phục vụ.

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư; 100% khu vực công sở, công cộng được phủ sóng wifi miễn phí. Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông đạt tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp viễn thông khoảng 60 - 70% các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng mạng thông tin di động.

- Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, cải cách thủ tục hành chính. Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, kết nối liên thông vào các trung tâm dữ liệu vùng và quốc gia. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoạt động trên môi trường số. Xây dựng đô thị thông minh. Phát triển mạnh kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, tài chính, y tế, giáo dục, giao thông, tài nguyên và môi trường, báo chí. Phát triển xã hội số, cơ bản hoàn thiện hệ thống danh tính số, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Phát triển nền báo chí chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có khả năng liên kết trong nước và quảng bá hình ảnh, lợi thế tiềm năng của tỉnh ra khu vực và quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

6. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước mưa

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng hiện đại, đảm bảo phục vụ cấp nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, dịch vụ và các ngành kinh tế khác. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn nước, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế nguồn nước hiện có ở các lưu vực sông, suối; tổ chức quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu trên địa bàn. Đảm bảo tiêu, thoát nước, chống ngập úng, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do nước gây ra, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Phương án cấp nước cho nông nghiệp:

Đầu tư xây dựng mới khoảng 100 công trình hồ chứa nước và các công trình đầu mối thuỷ lợi, phục vụ diện tích tưới tăng thêm khoảng 21.000 ha, nâng cấp sửa chữa khoảng 240 công trình, tưới cho khoảng 5.500 ha lúa.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

c) Phương án cấp nước sinh hoạt

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn, quy hoạch, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng mới hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, các đảo để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

d) Phương án thoát nước mưa

Cải tạo, nâng cấp, bổ sung, mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị, tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa, thoát nước nhanh cho các đô thị, không gây ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án thoát nước thải

Khu vực đô thị: Đến năm 2030: Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị: 50% nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn quy định; các đô thị khác: 20% nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn quy định; tầm nhìn đến năm 2050: 100% nước thải sinh hoạt các đô thị được xử lý đạt quy chuẩn quy định; mỗi đô thị xây dựng tối thiểu 1 trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Khu vực nông thôn: Tùy theo địa hình và quy mô dân cư để bố trí hồ sinh học hoặc các giải pháp xử lý nước thải phù hợp.

Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung: Nước thải sẽ được thu gom về trạm xử lý tập trung để xử lý, đảm bảo 100% nước thải được xử lý đạt quy chuẩn hiện hành. Mỗi khu công nghiệp có thể xây dựng 1 hoặc 2 trạm xử lý nước thải.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

b) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn

Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, áp dụng công nghệ xử lý hiện đại, hạn chế chôn lấp. Chất thải rắn thông thường xử lý tập trung vùng huyện, chất thải rắn nguy hại xử lý tập trung cấp vùng tỉnh; thay thế dần các hệ thống cũ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

c) Phương án quy hoạch hệ thống nghĩa trang

Đối với khu vực đô thị, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang còn diện tích hiện đang sử dụng. Mở rộng các nghĩa trang đã có chủ trương, định hướng mở rộng. Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung cho các đô thị (1 - 3 điểm/đô thị tùy theo quy mô diện tích và sự phân bố). Di dời nghĩa trang và các phần mộ nhỏ lẻ trong đô thị (những khu vực đặc biệt cần thiết cho phát triển đô thị); đối với khu vực nông thôn (các xã), quy hoạch mới các khu vực nghĩa trang được thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất cấp xã; đầu tư hạ tầng đồng bộ, từng bước áp dụng công nghệ mai táng hiện đại, xây dựng trung tâm hỏa táng.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

8. Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

- Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Hạ tầng y tế

Phát triển hệ thống cơ sở y tế với 08 bệnh viện tuyến tỉnh - ngoài Bệnh viện phục hồi chức năng và Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh phân bố tại

huyện Vĩnh Linh, Bệnh viện đa khoa khu vực Hướng Hóa và Bệnh viện đa khoa Triệu Hải phân bố tại huyện Hướng Hóa và thị xã Quảng Trị, các bệnh viện tuyến tỉnh còn lại phân bố tại thành phố Đông Hà, 08 trung tâm đa chức năng tuyến huyện (điều trị, dự phòng, dân số), 02 Trung tâm Y tế không bố trí giường bệnh nội trú và các trạm y tế tuyến xã và các trung tâm y tế huyện vẫn phân bố tại các huyện theo hiện trạng. Bổ sung các cơ sở y tế khi có nguồn lực phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có; phù hợp với phân bố dân cư và định hướng không gian phát triển của tỉnh.

- Nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học. Đến năm 2030, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt 70% trên tổng số trường công lập toàn tỉnh.

- Xây dựng mới trường phổ thông liên cấp tại Khu kinh tế Đông Nam (huyện Hải Lăng) và tại khu kinh tế Lao Bảo.

3. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp

- Hoàn thiện hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, sắp xếp lại các cơ sở hiện có theo hướng sáp nhập các trường trung cấp vào các trường cao đẳng; hoàn thiện mạng lưới các trung tâm giáo dục nghề cấp huyện, thành phố, thị xã từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Sáp nhập Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị với Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị thành trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng, trực thuộc địa phương hoặc thuộc Đại học Huế. Tổ chức liên kết đào tạo với trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục đại học - cao đẳng khi thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên.

4. Hạ tầng văn hóa, thể thao

- Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp: Trung tâm văn hóa thông tin - thể thao, nhà thiếu nhi, thư viện, sân vận động, Nhà thi đấu và luyện tập thể dục thể thao, bể bơi,... Hoàn thành Khu liên hợp thể thao tỉnh Quảng Trị tại thành phố Đông Hà. Xây dựng nhà thi đấu tiêu chuẩn quốc tế tại khu vực sân bay Quảng Trị, phục vụ cho các chuyến bay quốc tế.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bảo tàng tỉnh,

các nhà trưng bày hiện có. Xây dựng mới bảo tàng chứng tích chiến tranh mang tầm quốc gia tại Quảng Trị.

- Xây dựng một số sân golf kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, vui chơi giải trí, khu đô thị dịch vụ tại các địa điểm thích hợp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch liên quan khác và đảm bảo các quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

5. Hạ tầng cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

- Củng cố và nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, đảm bảo các tiêu chí, điều kiện tiếp cận theo quy định đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

- Thành lập mới các cơ sở trợ giúp xã hội (công lập và ngoài công lập), ưu tiên trợ giúp các thương bệnh binh, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi không có người chăm sóc,... đáp ứng nhu cầu của xã hội. Thành lập mới 01 cơ sở ngoài công lập sử dụng vốn ODA (Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị).

- Sau 2030, toàn tỉnh có 08 cơ sở/dự án trợ giúp xã hội (02 cơ sở trợ giúp xã hội công lập và 06 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập).

6. Hạ tầng khoa học và công nghệ

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được tỉnh phê duyệt đến năm 2030; phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng hạ tầng thông tin khoa học công nghệ, đặc biệt là hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ. Tăng cường đầu tư tiềm lực cho các trung tâm, đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh.

- Thành lập một số trung tâm, đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ trực thuộc Sở Khoa học công nghệ như: (1) Trung tâm Phát triển công nghệ sinh học; (2)Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ; (3) Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Miền trung (4) Trung tâm Ứng dụng và Phát triển năng lượng mới; (5) Trung tâm Đổi mới sáng tạo và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp; (6) Bảo tàng khoa học, lịch sử, văn hóa tỉnh; (7) Trung tâm Quy hoạch nông lâm tỉnh Quảng Trị…; hình thành khu công nghệ tập trung; đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7. Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu phục

vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo mỗi địa phương có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bố trí xây dựng tại các địa điểm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc; quy hoạch hệ thống cung cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

Đầu tư xây dựng các trụ sở công an tại các huyện Cam Lộ, Triệu Phong; trụ sở phòng cháy chữa cháy huyện Hướng Hóa; doanh trại đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy các huyện: Gio Linh, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng, huyện đảo Cồn Cỏ; cơ sở của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Quảng Trị (tại Cam Lộ) và trụ sở công an các xã, phường, thị trấn.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

2. Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong Quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện trung tâm gồm thành phố Đông Hà và huyện Cam Lộ: định hướng phát triển với tính chất chính là vùng đô thị dịch vụ và công nghiệp trung tâm của tỉnh; là trung tâm kết nối các hành lang quốc gia theo hướng Bắc - Nam với hành lang quốc tế theo hướng Đông - Tây.

- Vùng liên huyện Triệu Phong - thị xã Quảng Trị - huyện/thị xã Hải Lăng: định hướng phát triển với tính chất chính là tiểu vùng trọng điểm kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh.

- Vùng liên huyện Gio Linh - Vĩnh Linh: Định hướng phát triển với tính chất chính là vùng kinh tế ven biển phía Bắc của tỉnh, vùng dịch vụ sân bay...

- Vùng liên huyện vùng núi Hướng Hóa - Đakrông: Định hướng phát triển với tính chất chính là vùng sinh thái nông - lâm nghiệp, sinh thái nhân văn, kinh tế cửa khẩu.

- Huyện đảo Cồn Cỏ: Định hướng phát triển với tính chất chính là đảm bảo an ninh quốc phòng, dịch vụ hậu cần nghề cá, trung tâm tránh trú bão cho tàu thuyền, bảo tồn đa dạng sinh thái và phát triển du lịch biển đảo.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Vùng thành phố Đông Hà:

- Tính chất: Vùng kinh tế động lực tỉnh Quảng Trị, tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hiện đại.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng kinh tế đô thị, dịch vụ là mũi nhọn, phát triển công nghiệp sạch; phát triển nông nghiệp ven đô theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường thích ứng biến đổi khí hậu.

b) Vùng thị xã Quảng Trị:

- Tính chất: Là đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với phát triển nông thôn mới, bảo vệ, cải thiện môi trường và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu.

- Hướng phát triển trọng tâm: Tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tạo ra các không gian kinh tế, các không gian giao dịch mua bán hàng hóa và tổ chức các loại hình thương mại. Trở thành trung tâm du lịch và văn hóa lịch sử. Ngành nông lâm thủy sản phát triển theo hướng bền vững, tạo ra các sản phẩm phù hợp với nông nghiệp ven đô.

c) Vùng huyện/thị xã Hải Lăng:

- Tính chất: Đô thị loại IV nâng cấp từ huyện, với tính chất chính là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp hàng hoá;

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tăng cường đầu tư hạ tầng cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; mở rộng, phát triển đô thị văn minh, xây dựng nông thôn mới; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; chăm lo giải quyết tốt các vấn đề văn hoá - xã hội; duy trì các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh, vùng nông nghiệp công nghệ cao.

d) Vùng huyện Triệu Phong

- Tính chất: Huyện trọng điểm về công nghiệp, du lịch sinh thái của tỉnh; là không gian kết nối hiệu quả giữa thành phố Đông Hà và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đông Nam của tỉnh.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch, dịch vụ, năng lượng, công nghiệp sạch, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng đan xen sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển đô thị về phía Tây quốc lộ 1. Bổ sung dải đô thị du lịch ven biển nằm phía Đông. Phục hồi hệ sinh thái vùng cát, phát triển dịch vụ môi trường rừng.

đ) Vùng huyện Gio Linh

- Tính chất: Là vùng phát triển kinh tế biển, vùng phát triển đa ngành, gồm công nghiệp chế biến chế tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp tiên tiến, thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái, văn hoá.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển các ngành kinh tế trên cơ sở khai thác hiệu quả không gian các khu chức năng, các công trình hạ tầng của tỉnh, các hành lang hạ tầng quốc gia đi qua huyện.

e) Vùng huyện Vĩnh Linh

- Tính chất: Là huyện trọng điểm phát triển kinh tế xã hội phía Bắc tỉnh Quảng Trị, trọng tâm là các ngành kinh tế công nghiệp, du lịch, trồng cây công nghiệp và cây ăn trái trên vùng đất đỏ bazan, sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao.

- Hướng phát triển trọng tâm: Khai thác các công trình hạ tầng của tỉnh, các hành lang hạ tầng quốc gia đi qua huyện để phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của nhân dân. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh công tác quốc phòng an ninh. Nâng cao vị thế của huyện trong toàn tỉnh.

g) Vùng huyện Cam Lộ:

- Tính chất: Cùng với thành phố Đông Hà trở thành vùng kinh tế trung tâm của tỉnh Quảng Trị; trung tâm Dược liệu quan trọng của tỉnh với 2 nguồn nguyên liệu chính từ huyện Hướng Hóa và huyện Đakrông.

- Hướng phát triển trọng tâm: Khuyến khích phát triển các khu/cụm công nghiệp sạch, phù hợp với định hướng phát triển Cam Lộ thành trung tâm Dược liệu của tỉnh. Phát triển thương mại, dịch vụ, sân golf, du lịch.

h) Vùng huyện Đakrông:

- Tính chất: Vùng sinh thái nông - lâm nghiệp, sinh thái nhân văn, kinh tế cửa khẩu. Dịch vụ phát triển đa dạng; đặc biệt là dịch vụ thương mại gắn với lợi thế về địa lý và giao thông. Nông lâm nghiệp phát triển ổn định, là nền tảng phát triển bền vững. Công nghiệp phát triển có chọn lọc, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các ngành khác tại địa phương.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, du lịch, thương mại, dịch vụ, đô thị. Sắp xếp, ổn định dân cư vùng biên giới. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khu Kinh tế cửa khẩu Quốc tế La Lay theo hướng kinh tế tổng hợp, trọng tâm là dịch vụ thương mại cửa khẩu, logistic và trung tâm dịch vụ cho tiểu vùng.

i) Vùng huyện Hướng Hóa:

- Tính chất: Vùng sinh thái nông - lâm nghiệp, sinh thái nhân văn, kinh tế cửa khẩu, phát triển toàn diện, bền vững, phát huy lợi thế địa lý, giao thông phát triển dịch vụ thương mại, logistic, du lịch (chú trọng du lịch sinh thái, du lịch lịch sử). Công nghiệp phát triển có chọn lọc, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các ngành khác tại địa phương.

- Hướng phát triển trọng tâm: Khai thác tiềm năng, thế mạnh về Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, hành lang kinh tế Đông - Tây, các điểm di tích lịch sử, các điểm du lịch thiên nhiên để thu hút đầu tư và phát triển toàn diện về thương mại, dịch vụ, du lịch. Triển khai thực hiện có hiệu quả Hiệp định thương mại biên giới Việt - Lào.

k) Vùng huyện đảo Cồn Cỏ:

- Tính chất: Huyện đảo phát triển kinh tế biển, trọng tâm là dịch vụ - du lịch, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Hướng phát triển trọng tâm: Đầu tư hoàn thiện hệ thống cảng cá, khu dịch vụ hậu cần nghề cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, đảm bảo

an ninh quốc phòng. Phát triển hạ tầng phục vụ cho các điểm dân cư tập trung mới; xây dựng mới sân bay trực thăng kết hợp thao trường. Xây dựng huyện đảo thành điểm nhấn của du lịch gắn với tam giác du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ, xây dựng cột mốc A11 nhằm khẳng định chủ quyền biên giới quốc gia trên biển, đồng thời là điểm đến du lịch. Bổ sung các quỹ đất phát triển các khu chức năng đô thị du lịch ở trên biển, về phía Tây Nam của đảo.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường:

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở nội thành của thành phố Đông Hà; phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông, Khu Bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ; Khu vực bảo vệ 01 của di tích lịch sử - văn hóa được công nhận; vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Vùng hạn chế phát thải: Phân khu phục hồi sinh thái, dịch vụ hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên; Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh, rừng đặc dụng Cồn Cỏ; hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa; khu dân cư tập trung là nội thị của các đô thị loại IV, V đến năm 2030 theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.

Các vùng khác bao gồm toàn bộ diện tích còn lại của tỉnh Quảng Trị.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

Nâng cấp 02 Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa và Đakrông thành vườn quốc gia; quy hoạch chuyển tiếp Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ, Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh. Thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan Rừng đặc dụng đảo Cồn Cỏ. Nghiên cứu khả năng thành lập Khu bảo tồn biển Vĩnh Thái - Kim Thạch (Gò đồi ngầm).

Quy hoạch chuyển tiếp hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa. Thành lập các khu vực đa dạng sinh học cao Minh Hóa, Quảng Bình - Đakrông, Quảng Trị, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng Biển Quảng Bình - Quảng Trị.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Duy trì và phát triển mạng lưới quan trắc, giám sát môi trường đồng bộ, hiện đại, tích hợp với hệ thống quan trắc môi trường quốc gia.

Mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ gồm có 09 trạm quan trắc tài nguyên nước mặt, 14 trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, 39 trạm quan

trắc nước sông, 14 trạm quan trắc xâm nhập mặn, 16 trạm quan trắc nước hồ, 13 trạm quan trắc nước biển, 38 trạm quan trắc nước dưới đất, 14 trạm quan trắc nước thải, 36 trạm quan trắc không khí, 39 trạm quan trắc đất, 14 trạm quan trắc trầm tích.

Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục gồm có 05 trạm quan trắc tự động nước sông, 07 trạm quan trắc tự động không khí, 02 trạm quan trắc tự động nước biển ven bờ và 02 trạm điều hành quan trắc môi trường.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế chính sách quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất hiện có. Kết hợp bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng với khai thác sử dụng rừng hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng, cải tạo, làm giàu rừng với bảo vệ diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, phát triển cây cho lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng phòng hộ, sản xuất, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị gia tăng cao và thu nhập từ rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai các giải pháp về khoa học công nghệ trong lĩnh vực giống cây lâm nghiệp. Thu hút các nguồn vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bằng phương thức xã hội hóa đầu tư cho lâm nghiệp.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên không tái tạo; tiến tới chấm dứt các hoạt động khai thác khoáng sản bất hợp pháp; khai thác nhỏ lẻ; đình chỉ hoạt động đối với các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.

Rà soát quy hoạch, loại bỏ những địa điểm, vị trí không còn phù hợp. Thực hiện đúng việc cấp phép mỏ theo quy hoạch đã được phê duyệt, các cam kết về trách nhiệm trong công tác quản lý khoáng sản theo quy định.

Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; tiếp tục triển khai thực hiện tốt đề án tăng cường quản lý thu phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ hoạt động khoáng sản.

Khoanh định 345 khu vực thăm dò và khai thác, chế biến khoáng sản. Tập trung khai thác, chế biến sâu các sản phẩm mà tỉnh có tiềm năng lợi thế. Đối với nhu cầu sử dụng đất công trình phụ trợ mỏ, quy mô mỏ thực hiện điều chỉnh để cấp phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành; cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương và quy định hiện hành của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu dùng nước; (3) Đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, Khu/cụm công nghiệp đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

Tăng cường bảo vệ chất lượng nguồn nước, xây dựng các hồ chứa điều tiết nguồn nước, xây dựng các công trình khai thác lấy nước mặt nhằm đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước và duy trì dòng chảy tối thiểu; tiến hành xây dựng các hồ chứa thủy lợi theo quy hoạch; tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước; hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác quá ngưỡng giới hạn dòng chảy tối thiểu trên sông, quá giới hạn độ sâu mực nước cho phép đối với tầng chứa nước, đặc biệt là hạn chế các nguy cơ ô nhiễm, suy giảm nguồn nước mặt, nước dưới đất.

b) Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

- Xây dựng phương án phòng, chống lũ, lụt và xây dựng kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để xử lý khi lũ, lụt xảy ra; bảo đảm các quy hoạch phát triển, tiêu chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và khu dân cư vùng ngập lũ phù hợp với tiêu chuẩn chống lũ của vùng.

- Xây dựng và vận hành hồ chứa nước phải có phương án bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với Phương án phòng, chống lũ, lụt của từng lưu vực sông. Hỗ trợ việc xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng.

- Đầu tư, hỗ trợ cho việc xây dựng đê biển, cống ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng.

- Tổ chức quan trắc, cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khả năng xuất hiện mưa đá và thông báo kịp thời cho nhân dân biết để có biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại; tổ chức thanh tra, giám sát và bảo đảm các doanh nghiệp trong các ngành có hàm lượng khí thải cao, có biện pháp xử lý khí thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để tránh gây mưa axít.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng chống thiên tai được triển khai đồng bộ theo 03 giai đoạn "Trước thiên tai, trong thiên tai và sau thiên tai" trên cơ sở thực hiện có hiệu quả phương châm "Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển" và "4 tại chỗ"; thực hiện nguyên tắc "Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả", áp dụng nhóm biện pháp phi công trình và nhóm biện pháp công trình nhằm đạt được mục tiêu chung là kiểm soát được thiên tai và giảm thiểu các thiệt hại về con người, tài sản do thiên tai gây ra.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực. Ứng dụng cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái; củng cố, nâng cao năng lực cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh về mặt thể chế, tổ chức, chính sách, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động nguồn lực tài chính từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm nguồn tài trợ quốc tế, ngân sách nhà nước và xã hội hóa trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, tạo động lực phát triển.

Thực hiện các chính sách thu hút đầu tư dưới nhiều hình thức, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút vốn đầu tư vào xây dựng hạ tầng, vào các dự án về năng lượng và các dự án động lực, công trình giao thông trọng điểm, phát triển văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa.

Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu tốt, có năng lực tài chính

lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở những quy mô khác nhau.

Huy động nguồn lực từ tài chính đất đai để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không có nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm. Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp với các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng tốt trong và ngoài nước.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ thành lập mới những tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực mà nhà nước hoặc tỉnh cần khuyến khích phát triển nhưng các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không quan tâm đầu tư, thành lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu cơ bản vào các cơ sở giáo dục đào tạo và chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng vào các doanh nghiệp.

Ban hành các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ thoả đáng về lương, điều kiện làm việc, chỗ ở nhằm thu hút cán bộ khoa học và công nghệ giỏi về tỉnh làm việc. Có chính sách tôn vinh nhân tài, chính sách khen thưởng thoả đáng kết quả sáng tạo khoa học và công nghệ, các ứng dụng khoa học và công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn. Lựa chọn một giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh định kỳ dành trao tặng cho các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn.

Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học và công nghệ của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng như Thái Lan đề xuất các hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học công nghệ chung, nhằm thúc đẩy mối liên kết các vùng trọng điểm phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như các địa phương của nước bạn.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

Xây dựng các cơ chế, chính sách và quy định về:

- Hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, điện, nước... đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, để thu hút nhà đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh; nâng cao chất lượng đô thị đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững, tạo sức hút, phát triển dịch vụ, thị trường bất động sản lành mạnh; tích hợp các khu nhà ở công nhân, các khu nhà ở xã hội đan xen với các loại hình nhà ở khác, trong mỗi khu vực đô thị, đặc biệt là gần các khu, cụm công nghiệp.

- Ưu đãi, hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch, khách sạn cao cấp, thông qua hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước.

- Hỗ trợ, vinh danh doanh nghiệp để hỗ trợ, khuyến khích phát triển doanh nghiệp địa phương, các doanh nghiệp đầu tư vào những vùng có điều kiện khó khăn, có nhiều đóng góp quan trọng vào giải quyết việc làm, thu ngân sách; Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp cộng đồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại, có công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, chuyển đổi số, kinh tế số.

- Tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; chính sách khuyến khích thành lập các hợp tác xã, các hiệp hội ngành nghề trong sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, y tế, đào tạo nghề nghiệp, khoa học - công nghệ; kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.

- Hỗ trợ học sinh sinh viên tham gia học nghề, trọng tâm là hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Phát triển giáo dục mầm non, bao gồm đầu tư phát triển mạng lưới, ưu tiên hỗ trợ các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp, khuyến khích xã hội hóa, hỗ trợ giáo viên mầm non.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế, để tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong phát triển kinh tế, đặc biệt là các ngành trọng điểm.

- Thúc đẩy phát triển và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Tập trung xây dựng các thương hiệu và có chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thủy sản của tỉnh.

- Tạo cơ chế đặc thù trong thu hút đầu tư đối với các vùng là động lực,

trung tâm thúc đẩy phát triển của tỉnh, của vùng và sự liên kết giữa vùng động lực với các vùng phụ trợ.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Hoàn thiện hệ thống quy hoạch xây dựng, đảm bảo căn cứ pháp lý để quản lý phát triển đô thị và nông thôn.

- Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị, sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu vực nông thôn giáp cận với ranh giới đô thị.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản.

- Áp dụng số hoá, công nghệ quản lý hiện đại và hệ thống thông tin địa lý trong quản lý phát triển đô thị, nông thôn. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch xây dựng, đảm bảo căn cứ pháp lý để quản lý phát triển đô thị và nông thôn.

6. Giải pháp về liên kết phát triển:

- Thúc đẩy phát triển kinh tế biển, năng lượng sạch và dịch vụ - logistics, du lịch sinh thái, trên các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài, cũng như phát huy nội lực để liên kết phát triển.

- Liên kết phát triển các vùng trong tỉnh, đồng thời, khai thác phát huy vị trí trung tâm liên kết nội vùng của khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây, đưa Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, trọng tâm là Khu bến cảng Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới; tạo sự phân công hợp tác giữa các địa phương trong tỉnh, nhằm phát huy có hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với chất lượng tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm cho từng địa phương.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 05 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển, đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát và bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, thủ tục, quy định trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện Quy hoạch.

c) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị.

d) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật.

đ) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, đảm bảo nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

e) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại mục D của Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà